ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG AN HẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 448 /QĐ-UBND	*An Hải, ngày 13 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận số lớp, số học sinh các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phường An Hải năm học 2025 - 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về phân quyền, phân cấp và phân thẩm định quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục; Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về phân quyền, phân cấp và phân thẩm định quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 788/HD-SGDĐT ngày 14/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở năm học 2025-2026; Công văn số 1729/SGDĐT-QLCL ngày 28/3/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh các lớp mầm non và lớp 1 tiểu học năm học 2025-2026; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân quận An Dương về kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở năm học 2025-2026; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 02/4/2025 của Ủy ban nhân dân quận An Dương về kế hoạch

tuyển sinh vào các lớp mầm non và lớp 1 tiểu học năm học 2025-2026; Quyết định số 2270/QĐ-UBND 13/6/2025 của UBND quận An Dương về việc giao chỉ tiêu số lớp. học sinh cho các cơ sở giáo dục mầm non, các trường tiểu học, trung học cơ sở quận An Dương năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn phường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận số lớp, số học sinh các cơ sở giáo dục mầm non, các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn phường An Hải năm học 2025-2026 như sau:

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội phường căn cứ chức năng nhiệm vụ hướng dẫn các các cơ sở giáo dục trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn phường tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Sở GD&ĐT;
- TT Đảng ủy phường;
- CT, PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG AN HẢI T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Thế Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN HẢI

CÔNG NHẬN SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số..../QĐ - UBND ngày.../8/2025 của UBND phường An Hải)

1. Cấp THCS

TT	Tên trường	Số phòng học	Tổng số			Khối 6			Khối 7			Khối 8			Khối 9		
			Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp
1	THCS Hồng Thái	18	18	801	45	4	168	42	5	218	43	5	232	47	4	183	46
2	THCS Đồng Thái	21	21	950	45	5	221	44	5	233	46	6	274	45	5	222	44
3	THCS An Đồng	25	25	1,002	40	5	224	45	6	248	41	7	294	42	6	236	39
Tổng		**64**	**64**	**2,753**	**43**	**14**	**613**	**44**	**16**	**699**	**44**	**18**	**800**	**44**	**15**	**641**	**43**

2. Cấp Tiểu học

TT	Trường Tiểu học	Số phòng học	Tổng số			Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
			Số lớp	Số HS	Số HS/ lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/ lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/ lớp	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp
1	TH Hồng Thái	25	25	836	33	5	167	33	5	167	35	5	165	33	5	163	34	5	174	35
2	TH Đồng Thái	32	32	1,134	35	6	234	39	7	223	32	7	239	34	6	197	33	6	241	40
3	TH An Đồng	49	49	1,984	40	11	434	39	10	403	40	10	402	40	9	347	39	9	398	44
Tổng		**106**	**106**	**3,954**	**36**	**22**	**835**	**38**	**22**	**793**	**36**	**22**	**806**	**37**	**20**	**707**	**35**	**20**	**813**	**41**

3. Cấp mầm non

TT	Tên trường/cơ sở giáo dục mầm non	Tổng số				Trẻ nhà trẻ 18-36 tháng					Trẻ 3 tuổi					Trẻ 4 tuổi					Trẻ 5 tuổi				
		Số lớp	Số trẻ	Trong đó		Số lớp	Số trẻ	Trong đó		Số HS/lớp	Số lớp	Số trẻ	Trong đó		Số HS/lớp	Số lớp	Số trẻ	Trong đó		Số HS/ lớp	Số lớp	Số trẻ	Trong đó		Số HS/lớp
				Trẻ đã có mặt	Trẻ tuyển mới			Trẻ đã có mặt	Trẻ tuyển mới				Trẻ đã có mặt	Trẻ tuyển mới				Trẻ đã có mặt	Trẻ tuyển mới				Trẻ đã có mặt	Trẻ tuyển mới	
1	MN Hồng Thái	14	454	314	140	2	60	20	40	30	3	81	37	44	27	4	141	116	25	35	5	172	141	31	34
2	MN Đồng Thái	20	680	445	235	3	90	11	79	30	5	152	87	65	30	6	184	132	52	31	6	254	215	39	42
3	MN An Đồng 1	26	822	536	286	2	59	9	50	30	6	155	49	106	26	9	282	199	83	31	9	326	279	47	36
4	MN An Đồng 2	16	476	336	140	2	60	22	38	30	4	90	51	39	23	5	151	122	29	30	5	175	141	34	35
5	MN Baby Stars	4	83	63	20	1	23	21	2	23	1	18	18		18	1	16	12	4	16	1	26	12	14	26
6	MN Bé Thông Minh	7	190	138	51	2	45	31	14	23	2	50	28	22	25	2	60	46	14	30	1	35	33	1	35
7	MN Đôrêmon	7	224	166	58	2	52	18	34	26	1	30	17	13	30	2	66	60	6	33	2	76	71	5	38
8	MN Ngôi Nhà Ong Xinh	9	221	187	34	2	38	14	24	19	3	68	61	7	23	2	60	58	2	30	2	55	54	1	28
9	Lớp MNĐL Happy Stars	3	40	40		1	12	12		12	1	13	13		13	1	15	15		15					
10	Lớp MNĐL Sơn Ca	2	45	40	5	1	17	12	5	17						1	28	28		28					
11	Lớp MNĐL Sao Sáng	2	37	30	7	1	22	15	7	22	1	15	15		15										
12	Lớp MNĐL Tuổi Thần Tiên	3	49	41	8	1	24	16	8	24	1	14	14		14	1	11	11		11					

13	Lớp MNĐL Moon Grass	2	27	21	6	1	16	11	5	16	1	11	10	1	11									
14	Lớp MNĐL Minh Châu	2	46	42	4	1	16	12	4	16						1	30	30		30				
15	Lớp MNĐL Bảo Lộc	2	32	31	1	1	13	12	1	13	1	19	19		19									
16	Lớp MNĐL Sunflower	3	48	48		1	17	17	0	17	1	15	15		15	1	16	16		16				
17	Lớp MNĐL Hoa Phượng	2	34	29	5	1	21	17	4	21	1	13	12	1	13									
18	Lớp MNĐL Hoa Thủy Tiên	3	20	20		1	13	13		13	1	7	7		7	1								
19	Lớp MNĐL Thành Công	2	21	21		1	13	13		13	1	8	8		8									
20	Lớp MNĐL PG	2	9	9	0	1	5	5		5	1	4	4		4									
21	Lớp MNĐL Sunkids	2	18	18	0	1	10	10		10	1	8	8		8									
22	Lớp MNĐL Bé Na	2	26	24	2	1	15	13	2	15	1	11	11		11									
Tổng		**135**	**3,602**	**2,599**	**1,002**	**30**	**641**	**324**	**317**	**21**	**37**	**782**	**484**	**298**	**21**	**37**	**1,060**	**845**	**215**	**29**	**31**	**1,119**	**946**	**172**	**36**